

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt:

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|---|--|-----------|
| 1. Mức độ đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của vật tư, vật liệu: | | |
| 1.1. Mức độ đáp ứng yêu cầu kỹ thuật | Nhà thầu cam kết tất cả các vật tư, vật liệu, thiết bị sử dụng cho gói thầu đều có chất lượng đáp ứng theo yêu cầu hồ sơ thiết kế, chỉ dẫn kỹ thuật được duyệt và có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, hợp pháp. | Đạt |
| | Không đáp ứng yêu cầu. | Không đạt |
| 1.2. Đối với các vật tư, vật liệu chính gồm: (1) Bê tông thương phẩm, đá 1x2 M200 (2) Bột bả, Sơn các loại (sơn lót, sơn phủ) (3) Cát các loại (cát mịn, cát vàng), Đá 1x2, Xi măng PCB40. (4) Dung dịch chống thấm (5) Gạch các loại (Gạch không nung, Gạch lát granite) (6) Tấm thạch cao (7) Đá Granite khò nhám (8) Dây điện (9) Công tắc, MCB, tủ điện, bóng đèn. (10) Ống nước (11) Quạt đảo gắn trần (12) Thép tròn, thép hộp (13) Cửa đi, cửa sổ (14) Tôn lợp | Tất cả các vật tư, vật liệu đề xuất sử dụng cho gói thầu đều nêu rõ chủng loại, nguồn gốc, xuất xứ. E-HSDT có hợp đồng nguyên tắc với nhà cung cấp hợp lệ cho từng vật tư, vật liệu cho gói thầu này. | Đạt |
| | Không đáp ứng đầy đủ các nội dung theo yêu cầu. | Không đạt |
| 2. Giải pháp kỹ thuật/Biện pháp tổ chức thi công: | | |
| 2.1. Chuẩn bị thi công. | Có công tác chuẩn bị bao gồm những biện pháp chuẩn bị về tổ chức, phối hợp thi công, những công tác chuẩn | Đạt |

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|---|--|-----------|
| | <p>bị bên trong và bên ngoài mặt bằng công trường. Bố trí tổng mặt bằng thi công (gồm: bản vẽ + thuyết minh), trong đó phải xác định:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vị trí các hạng mục công trình xây dựng; - Vị trí các mạng lưới kỹ thuật phục vụ yêu cầu thi công (đường tạm, cấp điện, cấp nước); - Vị trí, diện tích các kho, bãi để cấu kiện, vật liệu xây dựng, xe máy và các thiết bị thi công chủ yếu; - Công trình phụ trợ (cổng ra vào, rào chắn, biển báo công trình); - Vị trí, diện tích bãi chứa chất thải xây dựng tạm. | |
| | Không có hoặc có nhưng không đầy đủ nội dung. | Không đạt |
| 2.2. Công tác cung ứng vật tư - kỹ thuật. | <p>Có đề xuất giải pháp bảo đảm cung cấp đầy đủ và đồng bộ vật liệu xây dựng, thiết bị kỹ thuật, bảo đảm phục vụ thi công liên tục, không bị gián đoạn và phù hợp với tiến độ thi công đề xuất. Có biểu cung ứng vật tư-vật liệu chính dự kiến sử dụng cho công trình và cung cấp đầy đủ thông tin, hướng dẫn sử dụng, lưu giữ, bảo quản vật tư - vật liệu.</p> | Đạt |
| | Không có hoặc có nhưng không đầy đủ nội dung. | Không đạt |
| 2.3. Cơ giới xây dựng | <p>Sử dụng phương pháp và phương tiện cơ giới có hiệu quả, bảo đảm có năng suất lao động cao, chất lượng và tiến độ. Nêu rõ số lượng, chủng loại máy móc, thiết bị phục vụ thi công xây dựng công trình. Có biểu cung ứng xe máy-thiết bị thi công.</p> | Đạt |
| | Không có hoặc có nhưng không đầy đủ nội dung. | Không đạt |
| 2.4. Tổ chức lao động | <p>Có công tác tổ chức lao động trong thi công xây lắp bao gồm những biện pháp sử dụng hợp lý lao động, công nhân. Bố trí các tổ, đội thi công và xác định số lượng công nhân, cơ cấu ngành nghề và trình độ nghề nghiệp của công nhân trong từng tổ đội phù hợp với công việc gói thầu và tiến độ thi công.</p> | Đạt |

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|--|--|-----------|
| | Không có hoặc có nhưng không đầy đủ nội dung. | Không đạt |
| 2.5. Biện pháp thi công cho từng công trình, hạng mục công trình gồm: | <p>- Có bản vẽ thể hiện biện pháp kỹ thuật thi công các công tác sửa chữa, cải tạo chính gồm:</p> <p>+ Công tác Phá dỡ gồm: Phá dỡ móng, đà kiềng; Tháo phá dỡ tường; Tháo dỡ trần; đục bỏ lớp vữa thành, sàn seno hiện hữu; tháo dỡ toàn bộ mái tôn; xà gồ hiện hữu, tháo dỡ toàn bộ cửa sổ, cửa đi; tháo dỡ hệ thống điện hiện trạng, cạo bỏ lớp bả sơn bóng tróc; bóc xếp vận chuyển phế thải.</p> <p>+ Công tác sửa chữa, cải tạo gồm: Đắp cát; đổ bê tông; lát ốp gạch;lát đá; đổ bê tông nền; xây trát tườn; làm mới nền sàn nước khu vực bếp; đóng mới trần thạch cao khung nổi; Bả, sơn nước, thay mới mái tôn mạ sóng vuông; chống thấm seno, vệ sinh; thay mới toàn bộ cửa sổ, cửa đi; hệ thống điện, nước.</p> <p>- Có thuyết minh biện pháp thi công trình bày chi tiết về từng hạng mục, từng nội dung công việc theo quy mô đầu tư nêu tại chương V-E-HSMT, làm rõ sự đúng đắn các giải pháp kỹ thuật đã lựa chọn.</p> <p>Biện pháp thi công chi tiết, hợp lý, khả thi, phù hợp với tiến độ đề xuất.</p> | Đạt |
| | Không đáp ứng yêu cầu. | Không đạt |
| 2.6. Biện pháp thi công ban đêm, biện pháp thi công trong mùa mưa bão. | Thiết kế biện pháp thi công hợp lý, khả thi phù hợp với điều kiện thực tế và hiện trạng công trình. | Đạt |
| | Không đáp ứng tất cả các yêu cầu trên. | Không đạt |
| 3. Tiến độ thi công: | | |
| 3.1. Tiến độ thi công tổng thể. | Đề xuất thời gian hoàn thành công trình phù hợp với yêu cầu tại Chương IV E-HSMT | Đạt |
| | Không đáp ứng yêu cầu. | Không đạt |
| | Có Biểu tiến độ thi công chi tiết trong đó chỉ rõ ngày bắt đầu, ngày kết thúc các công tác chính, các giai đoạn thi công và toàn bộ công trình và bao gồm các công tác ở giai đoạn chuẩn bị. | Đạt |

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|--|---|-----------|
| 3.2. Tiến độ thi công chi tiết. | Biểu tiến độ phải được thuyết minh làm rõ sự đúng đắn, hợp lý, khả thi và phù hợp với tiến độ thi công tổng thể, giải pháp kỹ thuật. | |
| | Không đáp ứng tất cả các yêu cầu trên. | Không đạt |
| 3.3. Biện pháp đảm bảo tiến độ và đẩy nhanh tiến độ thi công. | Có Biện pháp đảm bảo thực hiện thi công đúng tiến độ và đẩy nhanh tiến độ thi công đề ra. Dự trù các tình huống ảnh hưởng có dẫn đến chậm tiến độ thi công và có biện pháp khắc phục, đẩy nhanh tiến độ | Đạt |
| | trong từng tình huống. | |
| | Không đáp ứng tất cả các yêu cầu trên. | Không đạt |
| 4. Biện pháp bảo đảm chất lượng: | | |
| 4.1. Hệ thống quản lý thi công xây dựng của nhà thầu | Hệ thống quản lý thi công xây dựng phải phù hợp với quy mô, tính chất của công trình, trong đó nêu rõ sơ đồ tổ chức và trách nhiệm của từng cá nhân đối với công tác quản lý thi công xây dựng, bao gồm: chỉ huy trưởng công trường hoặc giám đốc dự án của nhà thầu; các cá nhân phụ trách kỹ thuật thi công trực tiếp và thực hiện công tác quản lý chất lượng, an toàn trong thi công xây dựng, quản lý khối lượng, tiến độ thi công xây dựng, quản lý hồ sơ thi công xây dựng công trình. | Đạt |
| | Không đáp ứng các yêu cầu trên. | Không đạt |
| 4.2. Kế hoạch kiểm tra, nghiệm thu: | Có Kế hoạch kiểm tra, nghiệm thu cho: công việc xây dựng; nghiệm thu giai đoạn thi công xây dựng hoặc bộ phận (hạng mục) công trình xây dựng; nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng. Kế hoạch có thể hiện được quy trình kiểm tra nghiệm thu và thời điểm dự kiến thực hiện. | Đạt |
| | Không đáp ứng các yêu cầu trên hoặc không hợp lý, không khả thi. | Không đạt |
| 5. An toàn lao động; Phòng cháy chữa cháy; Bảo vệ môi trường: | | |

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|---|---|-----------|
| 5.1. Kế hoạch tổng hợp về an toàn. | <p>Có Kế hoạch tổng hợp về an toàn đầy đủ các nội dung quy định tại Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ.</p> <p>Kế hoạch tổng hợp về an toàn phải có quy định biện pháp đảm bảo an toàn gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo an toàn tại công trường xây dựng và khu vực lân cận. - Giàn giáo - Kết cấu chống đỡ tạm. - Thiết bị thi công chủ yếu (Thiết bị nâng, Thiết bị, dụng cụ cầm tay và các thiết bị phục vụ thi công khác) - Làm việc trên cao - Thi công, lắp dựng, tháo dỡ - Điện - Phương tiện bảo vệ cá nhân (Mũ bảo hiểm, găng tay, quần áo bảo hộ, Giày, ủng...) | Đạt |
| | Không có Kế hoạch tổng hợp về an toàn lao động hoặc có Kế hoạch tổng hợp về an toàn lao động nhưng không đầy đủ nội dung. | Không đạt |
| 5.2. Biện pháp phòng cháy chữa cháy trong quá trình thi công xây dựng công trình. | <p>Có biện pháp phòng cháy chữa cháy trong đó phải bao gồm: xác định những điểm nguy hiểm dễ xảy ra cháy và các biện pháp phòng ngừa; Dự kiến bố trí lực lượng, phương tiện chữa cháy, biện pháp cứu chữa trong từng tình huống.</p> | Đạt |
| | Không có biện pháp phòng cháy chữa cháy hoặc có nhưng không đầy đủ nội dung. | Không đạt |
| 5.3. Biện pháp bảo vệ môi trường. | <p>Có biện pháp giảm thiểu các tác động tiêu cực trong quá trình thi công từ các yếu tố gồm: Khí thải; Bụi; Tiếng ồn; Nước thải sinh hoạt; Nước mưa chảy tràn; Chất thải rắn xây dựng (gồm thành phần, khối lượng chất thải rắn phát sinh, biện pháp xử lý). Các biện pháp hợp lý, khả thi phù hợp với biện pháp thi công.</p> | Đạt |
| | Không có biện pháp bảo vệ môi trường hoặc có nhưng không đầy đủ hoặc không hợp lý hoặc không khả thi. | Không đạt |
| 6. Bảo hành và uy tín của nhà thầu: | | |

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|---|---|-----------|
| 6.1. Bảo hành: | Nhà thầu phải trình bày kế hoạch cung cấp dịch vụ bảo hành. Thời gian bảo hành tối thiểu 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng đưa vào sử dụng theo quy định của pháp luật về xây dựng. | Đạt |
| | Không đáp ứng tất cả các yêu cầu trên. | Không đạt |
| 6.2. Uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu (theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định 214/2025/NĐ-CP) và thực hiện các hợp đồng tương tự trước đó trong vòng 05 năm trở lại đây (tính đến thời điểm đóng thầu). | <ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu có cam kết đủ điều kiện năng lực thực hiện gói thầu theo quy định của pháp luật chuyên ngành (có Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng trong lĩnh vực Thi công công tác xây dựng công trình dân dụng). - Đảm bảo uy tín thông qua việc tham dự thầu hoặc không đảm bảo uy tín nhưng Nhà thầu thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu với giá trị gấp 03 lần giá trị yêu cầu. | Đạt |
| | <ul style="list-style-type: none"> - Không có hợp đồng bỏ dở hoặc bị phạt vi phạm hợp đồng do lỗi của nhà thầu. | Không đạt |
| 6.3. Cam kết của nhà thầu: | <p>E-HSDT có đính kèm đầy đủ các Văn bản cam kết sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cam kết Nhà thầu đã xem xét kỹ hồ sơ mời thầu và chấp nhận hoàn toàn đối với các yêu cầu nêu trong E-HSMT. - Cam kết thực hiện đầy đủ các thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo quy định tại thời điểm thực hiện bằng kinh phí của nhà thầu. - Cam kết thực hiện các biện pháp thu gom, vận chuyển, xử lý CTRXD phát sinh trong quá trình thi công đến nơi tiếp nhận, lưu giữ và xử lý bằng kinh phí của nhà thầu. - Cam kết cung cấp quy trình bảo trì. - Cam kết bồi thường các công trình hạ tầng, cây xanh trong khu vực xung quanh nếu bị hư hỏng trong quá trình thi công và phục hồi đất đai, môi trường sau khi xây dựng xong công trình. - Cam kết bồi thường thiệt hại cho chủ đầu tư nếu chậm trễ tiến độ hợp đồng do lỗi của nhà thầu, gồm: thực hiện chi trả các chi phí liên quan đến công tác tư vấn giám sát, công tác quản lý dự án | Đạt |

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|-------------------------|--|-----------|
| | đối với gói thầu nhà thầu thực hiện. | |
| | Không đáp ứng tất cả các yêu cầu trên. | Không đạt |